Biểu tượng trời đất trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ

Nguyễn Như Trang[1]

[1] Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: nguyennhutrangvtd@gmail.com

Nhận ngày 20 tháng 3 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 5 tháng 5 năm 2019.

Tóm tắt: Trong văn chương Nguyễn Công Trứ, biểu tượng trời đất đã trở thành kí hiệu thẩm mĩ lặp đi lặp lại nhiều lần và mang ý nghĩa phái sinh. *Một mặt*, biểu tượng trời đất biểu trưng cho không gian xã hội, không gian vẫy vùng của kẻ sĩ; *mặt khác*, biểu tượng này còn biểu trưng cho không gian tâm lí, thể hiện trạng thái và nỗi niềm của nhà thơ trước cuộc đời. Biểu tượng trời đất trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ đã gắn liền với hành trạng và tâm trạng của ông trong suốt cuộc đời đầy những biến động.

Từ khoá: Biểu tượng, Nguyễn Công Trứ, trời đất, văn chương.

Phân loại ngành: Văn học

Abstract: In literary works written by Nguyen Cong Tru, the images of “heaven” and “earth” were aesthetic signals repeated many times, bearing a derivative meaning. On the one hand, they symbolise the social space, and the space where the Confucian scholar acted; on the other hand, they also symbolise the psychological space, showing the poet's moods and feelings towards life. The images of heaven and earth in Nguyen Cong Tru's works were closely associated with his behaviours and moods throughout his life which was full of vicissitudes.

Keywords: Images, Nguyen Cong Tru, heaven and earth, literature.

Subject classification: Literature

1. Mở đầu

Trong quan niệm của Nho giáo, trời là đấng sáng tạo, tạo ra vạn vật, vũ trụ và muôn loài. Trời còn được gọi là Thượng đế (đấng tối linh, tối cao đại diện cho sự công minh, chính nghĩa). Đối lập với trời là đất (nơi con người và muôn loài sinh ra và tồn tại). Người phương Đông luôn coi trọng mối quan hệ mật thiết giữa con người với trời và đất, cho nên từ xa xưa, trong ý niệm dân gian, thiên thời - địa lợi - nhân hòa là

điều kiện cần và đủ để đi đến thành công. Chính sự hòa hợp của con người với trời và đất là bản nguyên sinh tồn và phát triển của vạn vật. Trương Chính cho rằng: "Muốn thấu hiểu quan niệm toàn diện, phải tìm về nguồn gốc Tam Tài. Theo đó thì *nhân* đóng vai trò trọng tâm giữa *thiên* và *địa*. Có hội thông được với *thiên* thì *tâm* mới có đường tiến thủ; có giao hoà được với *địa* thì *nhân* mới có chỗ đứng. Khi nói triết lí toàn diện, tức là nói về con người đã có đường lối hội thông giao cảm, không phải cô độc nữa" [2, tr.282]. Không phải ngẫu nhiên trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ, hình ảnh trời đất lại xuất hiện nhiều lần, có đến 48 lần hình ảnh này xuất hiện trong nhiều tác phẩm khác nhau, trở thành một biểu tượng mang kí hiệu thẩm mĩ. Bài viết này đề cập đến các biểu tượng của trời đất trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ.

2. Trời đất biểu trưng cho không gian vẫy vùng của kẻ sĩ

Trong quan niệm Nho giáo, vũ trụ, trời đất không chỉ là hình ảnh của không gian tự nhiên, mà còn là một không gian bên ngoài sự vật hiện tượng như sự tồn tại vốn có, là một không gian mang tính ước lệ, tượng trưng. Nguyễn Đức Mậu cho rằng: "Khái niệm "vũ trụ" ra đời trong đời sống tinh thần xã hội Khổng giáo như vậy là có ý nghĩa không gian xã hội nhiều hơn không gian địa lí" [2, tr.883]. Mở đầu tác phẩm *Chinh phụ ngâm,* Đặng Trần Côn đã viết: "Thuở trời đất nổi cơn gió bụi/Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên/Xanh kia thăm thẳm từng trên/Vì ai gây dựng cho nên nỗi này... " (*Chinh phụ ngâm*).

Ở đây, trời đất không nên hiểu là thực thể của vũ trụ và tự nhiên, "trời đất nổi cơn gió bụi" được hiểu là sự hỗn loạn, bất an trong xã hội đang diễn ra cuộc chiến tranh, với chết chóc và đau thương. Nguyễn Du viết: "Lạ gì bỉ sắc tư phong/Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen" (*Truyện Kiều*). "Trời xanh" không phải là một thực thể vô tri vô giác của vũ trụ, mà hàm ý về không gian xã hội với sự đố kị của "con tạo" với con người.

Trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ, các mệnh đề hay còn gọi là các "mã" thẩm mĩ như: "vũ trụ", "trời đất" và "bốn bể" đã trở thành những biểu tượng, nó biểu trưng cho không gian rộng lớn vừa hữu hình lại vừa vô hình, nơi con người có thể thoả mãn khát vọng cống hiến hết khả năng của bản thân. Khi hành đạo, Nguyễn Công Trứ say mê và ám ảnh bởi nợ công danh, nhà thơ luôn đau đáu một nỗi niềm về sự tồn tại của mình trong cõi trời đất và cõi người ta. Tuy nhiên, không giống như nhiều nhà Nho khác thường giấu mình chờ thời, hoặc khiêm nhường, Nguyễn Công Trứ ngay từ khi nhập cuộc đã xác lập cho mình một vị thế và có tuyên ngôn rất rõ ràng về cuộc sống và sự nghiệp công danh: "Đã mang tiếng ở trong trời đất/Phải có danh gì với núi sông" (*Đi thi tự vịnh*) [2, tr.55]. Cái khác người ở đây chính là cách bộc lộ bản thân, nhà thơ dám nói lên những suy nghĩ, tâm tư và khát vọng của mình một cách trực diện, không e ngại hay chịu một áp lực nào: "Thiên phú ngô địa tái ngô/Thiên địa sinh ngô nguyên hữu ý" (*Trần ai ai dễ biết ai*); "Trời đất cho ta một cái tài/Giắt lưng dành để tháng ngày chơi" (*Cầm kỳ thi tửu*).

Trong tâm thức của các nhà Nho, họ luôn có ý niệm về địa vị cao quý của mình, có niềm tin vào tài năng có thể sánh ngang cùng tam tài trong vũ trụ. Vì vậy, khi thể hiện cái bản ngã trong sáng tác văn chương, họ luôn thể hiện hình tượng "cái tôi" trong không gian vũ trụ rộng lớn. Không chỉ ý thức rõ về bản thân mình trong cõi trời đất, Nguyễn Công Trứ còn coi sự ra đời của bản

thân mình chính là do sự hun đúc của đất trời mà nên. Nho gia quan niệm, trong xã hội ngoài vua là đấng tối thượng còn có bốn hạng người, đó là: sĩ, nông, công, thương. Đứng đầu trong bốn hạng người này là kẻ sĩ, các nhà nho coi sự xuất hiện của mình trên trần gian này là sản phẩm của trời đất, là tinh hoa của vũ trụ. Nguyễn Công Trứ quan niệm rằng, đất trời và tạo hoá đã ban cho ông sự sống vốn là đã có ý gửi gắm vào con người ông những điều mà trời đất muốn thực hiện. Ông vẫn thường nhắc đến lý tưởng và khát vọng của mình qua mệnh đề trời đất: "Vũ trụ chi gian giai phận sự/Nam nhi đáo thử thị hào hùng" (*Luận kẻ sĩ*).

Trong cảm quan của nhà Nho tài tử này, trời đất và vũ trụ có mối tương quan, gắn bó mật thiết với con người; "Cấu trúc của không gian thơ ca tả thiên nhiên thời trung đại: thiên nhiên bao giờ cũng được tả gồm hai thành phần trời - đất và để trống rỗng khoảng giữa (thái hư). Có thể có các biến thể khác (xa - gần, trong - ngoài, cao - thấp) nhưng nguyên tắc phân chia không gian thành hai cực, để trống ở giữa vẫn chi phối tuyệt đối" [4, tr.33]. Trời đất trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ không đơn thuần là một không gian hữu hình cụ thể nữa, mà nó biểu trưng cho hình ảnh của quốc gia, dân tộc. Nhà thơ tự nhận mọi việc diễn ra trong vũ trụ này có liên quan đến mình, và coi đó là phận sự của kẻ sĩ. Điều đó cho thấy, trong tâm thức của Nguyễn Công Trứ luôn chứa đựng ý niệm về sự tồn tại, về vai trò của con người cá nhân trong vũ trụ.

Phông văn hoá Nho giáo đã ảnh hưởng đến biểu tượng vũ trụ, trời đất trong quan niệm thẩm mĩ của nhà thơ Nguyễn Công Trứ. Với ông, con người sinh ra và tồn tại trong thế giới tự nhiên, trong vũ trụ bao la rộng lớn thì phải làm được điều gì đó lưu lại tên tuổi của mình trong trời đất. Điều này xuất phát từ tâm thế của kẻ sĩ mong muốn nhập thế, mang tài năng và trí tuệ của mình lập công danh, làm nên sự nghiệp: "Đã mang tiếng ở trong trời đất/Phải có danh gì với núi sông/Trong cuộc trần ai ai dễ biết/Rồi ra mới biết mặt anh hùng" (*Đi thi tự vịnh*).

Đối với các nhà Nho tài tử, hình tượng vũ trụ, trời đất được nhắc đến nhiều lần còn do xuất phát từ chủ thể sáng tạo, họ luôn ý thức về tài năng, phận sự của mình trong không gian rộng lớn để thoả chí vẫy vùng, gắn chức phận của mình với nhiệm vụ cao cả mà trời đất, vũ trụ đã ban cho. Điều đó lí giải vì sao trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ, vũ trụ được nhắc đến như một mệnh đề lớn: vũ trụ chức phận nội, vũ trụ giai ngô phận sự hay vũ trụ nội mạc phi phận sự. Nguyễn Công Trứ từng viết: "Túi giang sơn bốn bể cũng là nhà/Nền vương thổ cả trong trời đất Việt" (*Bốn bể là nhà*).

Các nhà nho xưa hiểu rõ quan niệm của Khổng giáo về "Tứ hải gia huynh đệ", vì thế không phải ngẫu nhiên nhà thơ lại tâm niệm "bốn bể cũng là nhà" mà ở đó "nền vương thổ" đã được tồn tại trong trời đất của nước Việt. Ông xác định rõ phận sự của mình là chỉ khi nào nhân dân được yên ổn, đất nước được yên bình thì kẻ sĩ mới được ung dung, thảnh thơi. Nguyễn Công Trứ xác lập cho mình một cách hành xử qua trải nghiệm cuộc đời, xác định mình được sinh ra và tồn tại được trong trời đất cũng đồng thời là mắc nợ với cuộc đời. Hoàng Ngọc Hiến từng nhận định: "Nguyễn Công Trứ còn có những sân chơi khác: đó là sân chơi vũ trụ. Ông có nói đến "ơn mưa móc", đến "đạo vi thần" nhưng trước sau ông vẫn nhắc đến lời hẹn với núi sông, đến sự mang nợ với trời đất, đến phận sự của mình trong vũ trụ "những việc trong trời đất đều là phận sự của mình", phận sự làm trai là "chức phận trong vũ trụ"" [2, tr.939]. Quan niệm về cuộc sống như vậy đã có ảnh hưởng, tác động đến các xu hướng thẩm mĩ trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ.

Ngay từ khi chưa đỗ đạt làm quan, Nguyễn Công Trứ đã tỏ rõ khát vọng của mình về lập công danh, lưu truyền trong trời đất. Ông đã từng tự vịnh về việc thi cử của chính bản thân mình, ông khát khao đỗ đạt để trả "cái nợ cầm thư" (cái nợ công danh của kẻ sĩ). Ông coi sự tồn tại của bản thân mình trong vũ trụ bao la, trong cõi trời đất này thì phải lưu lại cho đời những giá trị bản thân có thể làm được. Vì thế, con người sinh ra trong cõi trời đất phải được thoả mãn vẫy vùng và phải làm được điều gì đó vừa có ích cho đời, vừa thỏa chí nam nhi: "Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc/Nợ tang bồng vay giả giả vay/Chí làm trai nam bắc đông tây/Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể" (*Chí khí anh hùng*).

Nguyễn Công Trứ nhìn trời đất theo trục dọc và chiều ngang, câu thơ "vòng trời đất dọc ngang ngang dọc" như một lời khẳng định chắc nịch sự rộng lớn, mênh mông, vô cùng vô tận cùng những khó khăn, gập ghềnh chồng chất của cuộc đời mà một đấng nam nhi muốn khẳng định mình, muốn lưu danh thiên cổ thì không còn cách nào khác buộc phải xông xáo trong hành trình vay trả, trả vay "cái nợ tang bồng".

Theo cổ nhân, đã là nam nhi thì phải biết tung hoành bốn phương trong cõi trời đất, với Nguyễn Công Trứ cũng vậy, trời đất đã trở thành một không gian rộng lớn mênh mông để con người thực hiện khát vọng, thi triển tài năng, thoả mãn nhu cầu xuất thế và nhập thế. Ông là một người luôn muốn đem sức mạnh và tài năng của bản thân mình để vừa giúp đời, vừa lập nghiệp. Tư tưởng này được hình thành từ việc ông luôn ý thức mình là người có tài, khi mới nhập thế, ông say mê hành đạo, không thích an phận thủ thường, luôn làm mọi thứ để thoả chí nam nhi: "Khí hạo nhiên chí đại, chí cương/So chính khí đã đầy trong trời đất" (*Luận kẻ sĩ*). Ông có ý thức thị tài và đó chính là chí khí của kẻ anh hùng (phẩm chất thường thấy ở một nhà nho tài tử). Ông khát khao lập công danh, và công danh trở thành một nỗi ám ảnh lớn trong quan điểm thẩm mĩ của ông: "Có trung hiếu nên đứng trong trời đất/Không công danh thời nát với cỏ cây/Chí tang bồng hồ thỉ dạ nào khuây/Phải hăm hở ra tài kinh tế" (*Gánh trung hiếu*).

Vốn là một nhà Nho được học hành nơi cửa Khổng sân Trình, nên ở Nguyễn Công Trứ quan niệm trung hiếu trong mối quan hệ giường cột: vua - tôi, cha - con đã trở thành mẫu mực, điển phạm. Tuy nhiên, ở con người ông lại cháy bỏng khát khao tận hiến và lập công. Ông đã tìm cho mình một con đường để thoả mãn khát vọng lập công danh, thoả mãn chí tang bồng hồ thỉ, đó là việc tạo nên nghiệp lớn. Vì thế, khi làm quan, ông không chỉ nhiệt tâm trong việc giữ yên bờ cõi và yên dân, mà còn chú trọng phát triển kinh tế, tạo dựng cơ nghiệp cho muôn dân sinh sống và làm ăn.

Văn hoá của mỗi dân tộc đều được tích lũy qua thời gian và không gian, nó đã kết thành một quan niệm sống, biểu đạt cả vũ trụ quan và nhân sinh quan; văn hoá đã trở thành sợi dây kết nối con người lại với nhau một cách bền vững. Trong trí tưởng tượng của Nguyễn Công Trứ, trời đất có hình dạng rất rõ ràng: "Đủ vuông tròn tượng đất tượng trời" (*Bốn bể là nhà*). Quan niệm trời tròn, đất vuông là một quan niệm truyền thống từ bao đời nay của người Việt và đã được ông vận dụng vào trong câu thơ một cách tài tình, khéo léo. A.Ja. Gurevich nhận định: "Sự đối lập trời - đất trong ý thức người trung cổ có ý nghĩa tôn giáo đạo đức. Trời là nơi chốn của một cuộc sống cao thượng, vĩnh cửu, lí tưởng đối lập với đất là nơi của cuộc sống tội lỗi và tạm bợ của con người. Cuộc sống ở thế giới bên kia được quan niệm cũng có cốt cách vật chất như là thế giới trần gian, hơn nữa, tính chất bất hủ và do đó nó thực tại hơn" [1, tr.78]. Trời đất là cõi rộng lớn mênh mông, biểu trưng cho

không gian của sự sống, sự sản sinh, là môi trường sinh tồn của vạn vật trong cõi đời này. Trời đất cũng là không gian văn hoá tâm linh, chứa đựng tình cảm, niềm tin và khát vọng của con người về thế giới siêu nhiên.

Trong suốt cuộc đời và sự nghiệp làm quan, Nguyễn Công Trứ đã dốc hết sức mình thi triển tài năng, ông luôn đau đáu về công danh sự nghiệp và nguyện sẽ "chơi" hết mình với khát vọng ấy. Mệnh đề "trời đất" đã trở thành một mã thẩm mĩ trong sáng tác của ông, nó được biểu trưng cho một không gian vừa thực vừa ảo; đó là không gian vừa mang tính tự nhiên lại vừa mang tính xã hội, mang theo tâm lí và khát vọng cao cả của một nhà Nho chính thống.

3. Trời đất biểu trưng cho không gian tâm lí

Nguyễn Công Trứ luôn nhìn nhận con người cá nhân mình trong thế giới tự nhiên và trong kiếp nhân sinh của cuộc đời. Nếu đa số các nhà nho đương thời thường hay bế tắc, bi quan trước thực tại thì Nguyễn Công Trứ lại tìm ra cho mình một con đường riêng, lạc quan và hăm hở bước đi. Vẫn là những bước đi theo quy trình của kẻ sĩ (tu thân - tề gia - trị quốc - bình thiên hạ), nhưng ông lại có sự nhìn nhận và hành động theo một phương thức riêng. Tổng kết cả cuộc đời hoạt động của mình, Nguyễn Công Trứ (vốn là một kẻ sĩ, một nhà Nho tài tử) đã phải thốt lên đầy tâm trạng: "Vũ trụ nội mạc phi phận sự/Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng" (*Bài ca ngất ngưởng*).

Trước vũ trụ và trời đất rộng lớn vô tận, con người dù có tài bộ đến đâu thì cũng chỉ nhỏ bé trước cuộc đời, không vượt qua được định mệnh. Trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ, nhiều lần mệnh đề trời đất xuất hiện với tư cách là một không gian tâm lí để nhà thơ biểu lộ những nỗi niềm riêng tư, đôi khi ông tự nhận thấy số phận của mình do trời đất định đoạt. Vũ Đình Trác cho rằng: "Nguyễn Công Trứ trung thành cả với Trái Đất và Bầu Trời, mà lại trung thành với cả không gian và thời gian. Nghĩa là ông sống đúng là một con người vũ trụ, trong cuộc sống và trong trường đời nữa. Đây cũng là đạo *Dũng* của Nho gia mà thôi" [2, tr.272-273]. Nguyễn Công Trứ với tư cách là một nhà Nho, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của không gian văn hoá Nho giáo, cho nên những sắc thái văn hoá ấy đã có sự tác động đến quan điểm thẩm mĩ của ông, mệnh đề "trời đất" xuất hiện trong bối cảnh ấy: "Nghĩ sự đời thêm cảm nỗi phù du/Đành hay trời đất dành cho/Hai kho phong nguyệt nghìn thu hãy còn/Còn trời còn nước còn non" (*Vịnh tiền Xích Bích*).

Nguyễn Công Trứ ý thức rõ về bản thân mình trong cõi đời này và dành cho trời đất, non nước sự tôn trọng lớn. Tuy nhiên, trời đất theo cách nói của nhà thơ ở đây nên hiểu là mối quan hệ xã hội trong tầm quốc gia, dân tộc. Trong sáng tác văn chương Việt Nam thời trung đại cũng đã từng phổ biến cách nói này, Đặng Dung từng viết: "Trí chủ hữu hoài phù địa trục/Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà" (*Cảm hoài*) để nói về không gian mênh mông, về một con người to lớn, ấp ủ hoài bão muốn xoay trục đất, kéo sông ngân hà xuống rửa giáp binh; Nguyễn Trãi viết: "Giang sơn như tạc anh hùng thệ/Thiên địa vô cùng sự biến đa" (*Quá Thần Phù hải khẩu*). Non sông thì mãi mãi trường tồn, còn con người thì sẽ mất đi, trời đất vô cùng, vô hạn đều biến đổi. Nguyễn Công Trứ cũng thường nói đến trời đất trong sự lồng kết với con người, có lúc trời đất là cái cớ để ông biểu đạt tâm trạng của mình trước hiện thực cuộc đời chứ không còn là sự mô tả về nó như những gì đang diễn ra trong hiện thực khách quan. Ngay cả khi đang mượn rượu giải sầu,

mượn rượu tìm niềm vui thì hình ảnh trời đất cũng hiện ra như một nỗi ám ảnh đối với người quân tử khi chưa thực hiện trọn vẹn khát vọng lập công danh: "Bên tai gác tiếng thị phi/Màn trời chiếu đất dầu khi ngang tàng/Mơ màng trong cõi túy hương" (*Mượn rượu làm vui*). Nhà thơ sử dụng câu thành ngữ "màn trời chiếu đất" trong dân gian để diễn tả về nỗi niềm của riêng mình; ông viết về những điều mình nhìn thấy trong cuộc đời này với tâm trạng của một người từng trải, luôn lắng nghe cuộc sống, trân trọng từng phút giây của sự sống, thấu hiểu cặn kẽ về cuộc đời: "Tiếng xỏng xảnh đầy trong trời đất/Thần cũng thông huống nữa là ai/Long đồ nghĩ cũng nực cười" (*Vịnh tiền*). Trong quan niệm thẩm mĩ của Nguyễn Công Trứ, ông vẫn thường coi trời đất, non nước như là lẽ sống, những khi cuộc đời bế tắc, ông buông xuôi để cho dòng cảm xúc dâng trào: "Còn giời, còn đất, còn non nước/Có lẽ ta đâu mãi thế này" (*Quân tử cố cùng*).

Bên cạnh trạng thái nhập thế, hướng tâm tích cực, say mê lập công danh sự nghiệp to lớn, Nguyễn Công Trứ còn có lúc mang tâm trạng của con người xuất thế với nỗi buồn trước thói đời: "Ở ăn cũng tưởng về sau với/Giời hãy còn cao, đất hãy dày" (*Vịnh sự đời*). Dù trong hoàn cảnh nào, ông cũng coi trời đất như cõi sống đã được định hình và ổn định, ông vận dụng câu thành ngữ dân gian "Giời cao, đất dày" không phải như một lời than thở mà người đời vẫn thường nói, mà nhằm diễn tả tâm trạng của chính bản thân ông trong cõi nhân gian. Cuộc đời đầy thăng trầm, có lúc khốn khó, hoạn nạn, gian nguy, bị đày ải, bị giáng chức liên tục đã khiến nhà thơ rơi vào tâm trạng của một kẻ sĩ cố cùng, nhưng trong ông vẫn luôn sẵn có một niềm tin vào sự đổi thay của đất trời để ngày mai tươi sáng hơn: "Hãy xem giời đất thời liền rõ/Dầu nắng dầu mưa có mãi đâu" (*Thế tình đen bạc*). Có khi ta bắt gặp tâm trạng đợi chờ thời cơ để thi triển tài năng, lập công danh sự nghiệp: "Thôi hẵng đợi trời bình trị đã/Gặp thời vỗ cánh sẽ ra danh" (*Vinh nhục*). Với việc lập công danh và tạo dựng sự nghiệp, Nguyễn Công Trứ hăm hở là thế, khát vọng là thế nhưng ông cũng là người biết đợi cơ hội, biết chờ thời, đó cũng là suy nghĩ tích cực và hiện đại trong thời đại ông đang sống.

Trời đất còn là cách để nhà thơ họ Nguyễn nói đến số phận con người, ở đó trời được coi như nguyên nhân của những điều ân oán cuộc đời: "Mặc ai chớ để điều ân oán/Chung cục thời chi cũng tại trời" (*Cách ở đời*). Trong tâm thức dân gian của người Việt Nam, ông Trời là vị thần linh (thần Trời) luôn mang đến cho con người những điều tốt lành, vì thế khi nào bế tắc nhất người ta thường kêu trời hoặc khi than khó, than khổ cũng kêu trời. Trong hệ thống tư tưởng Nho gia, trời luôn là một phạm trù quan trọng, con người xem trời đất là chuẩn mực và tôn sùng như một đấng tối cao, thậm chí thần thánh hóa và xem trời là vị chủ thể sáng tạo ra muôn loài và làm chủ vũ trụ. Trần Nho Thìn cho rằng: "Vấn đề nhìn trời hay nhìn đất chỉ là hai thao tác có ý nghĩa kí hiệu, tượng trưng, thông báo về tương quan giữa bản thân "cái tôi" với môi trường, bối cảnh là một dạng vô thức nghệ thuật" [4, tr.90]. Việc con người đứng giữa trời và đất mà quan sát đã trở thành một sắc thái văn hoá mang tính biểu tượng chi phối sáng tạo nghệ thuật.

Mang tâm trạng của kẻ sĩ khi muốn hưởng nhàn, cầu nhàn, Nguyễn Công Trứ từng tìm đến trời đất như một mệnh đề để nói về kiếp nhân sinh của con người: "Thiên địa vạn vật chi nghịch lữ/Bóng quang âm thấm thoát vụt qua/Kiếp phù sinh chừng một giấc Nam Kha/Nào ai chắc đeo tiền cưỡi hạc" (*Chữ nhàn*). Đối với ông, ngay cả trời đất trong cõi đời này cũng là quán trọ cho con người và vạn vật. Nguyễn

Công Trứ từng định lượng cuộc sống trên trần gian của mình theo thời gian (ba vạn sáu nghìn ngày) và khát khao xoay vần tạo hoá để được rộng đất chơi. Đó là khi hướng tâm nhập thế, còn khi xuất thế ly tâm, ông cũng mang tâm trạng buồn của kẻ sĩ trước hiện thực cuộc đời [3]. Có lúc ở ông, người đọc còn bắt gặp tâm trạng an phận thủ thường, không đua ganh với thời cuộc, thậm chí ông từng cay đắng thừa nhận "Cái công danh là cái chi chi" và có lúc ông mong muốn được hưởng nhàn, hưởng lạc trong tâm trạng của kẻ sĩ xuất thế.

Nguyễn Công Trứ vẫn coi mình là đấng anh hùng, nhưng đó là đấng anh hùng khi đã yên phận, khi công danh đã lập, tài năng đã được khẳng định. Tuy nhiên, trong những lúc an nhàn, ngâm vịnh hay trong tâm trạng buồn trước cuộc đời thì mệnh đề "trời đất" cũng xuất hiện như một không gian để giãi bày tâm trạng, hay để giải khuây trong một thời khắc nhất định. Văn Phú Quang nhận xét: "Thông qua thơ ca, Nguyễn Công Trứ đã xoá tan được nỗi hoài nghi về khả năng đóng góp hoặc tham gia của mình vào quá trình sáng tạo của trời - đất, và bằng cách khẳng định một lần nữa niềm tin vào chữ *nhân,* ông đã vượt qua được cảm giác vô nghĩa bắt nguồn từ sự phù du của bản thân và tính hữu hạn của nó" [2, tr.982]. Có thể nói, trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ, biểu tượng trời đất còn mang ý nghĩa là không gian tâm lí để ông gửi gắm nỗi niềm vui buồn của mình trước nhân tình thế thái.

4. Kết luận

Trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ, biểu tượng trời đất có mối liên hệ chặt chẽ với mô hình không gian thiên - địa - nhân. Đây là mô hình không gian quen thuộc và phổ biến trong văn hoá phương Đông. Nguyễn Công Trứ là một nhà Nho, ông chịu ảnh hưởng của ý thức hệ chính thống, vì thế sáng tác của ông chịu sự chi phối bởi quan điểm Nho giáo. Nguyễn Công Trứ còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng Đạo giáo, Phật giáo và yếu tố văn hoá truyền thống dân tộc. Vì vậy, trong sáng tác của ông, ta thấy hình ảnh một con người không hoàn toàn phụ thuộc vào ý trời, mệnh trời; thậm chí ông có ý muốn thay đổi mệnh trời, xoay vần tạo hoá. Xuất hiện trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ với tư cách là mã thẩm mĩ, mệnh đề trời đất biểu trưng cho không gian rộng lớn (nơi kẻ sĩ có thể vẫy vùng, thoả mãn khát vọng lớn lao của mình). Nhà thơ biểu đạt tâm trạng vui buồn trước nhân tình thế thái qua biểu tượng trời đất. Việc khám phá biểu tượng này góp phần làm sáng tỏ quan niệm thẩm mĩ trong sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Công Trứ.

Tài liệu tham khảo

[1] A.Ja.Gurevich (1998), *Các phạm trù văn hoá trung cổ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2] Đoàn Tử Huyến (Chủ biên) (2008), *Nguyễn Công Trứ trong dòng lịch sử*, Nxb Nghệ An, Nghệ An.

[3] Nguyễn Hữu Sơn (2019), "Xu thế sáng tác hướng tâm và ly tâm trong thơ Nguyễn Công Trứ", Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 1.

[4] Trần Nho Thìn (2008), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hoá*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[5] Nguyễn Bình Yên (2019), "Tư tưởng của Nguyễn Công Trứ về nhân sinh", Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 3.

[6] https://vnexpress.net/giao-duc/nguyen-cong-tru-vi-quan-ngong-duoi-ba-doi-vua-3845953.html

[7] https://news.zing.vn/nguyen-cong-tru-va-nhung-giai-thoai-ngong-thau-troi-xanh-post682441.html

[8] https://dantri.com.vn/van-hoa/nguyen-cong-tru-va-nhung-gia-tri-bat-hu-20181124190424569.htm